

Bản Tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 23 NĂM 2019

KỶ 01 THÁNG 12 NĂM 2019

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:
Số 47/GP-XBBT
Cấp ngày 20/8/2019

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:
Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:
Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

2 TỔNG QUAN

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

3 Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 28/11/2019 đến 17/12/2019

5 Tình hình giá thị trường và công tác bình ổn trong thời gian tới

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

10 Xuất khẩu rau quả trong năm 2019 ước tính đạt 3,8 tỷ USD

14 Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất là cửa ngõ để Việt Nam thâm nhập thị trường Trung Đông

17 Nam Phi tăng mạnh nhập khẩu gạo Việt Nam

THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

20 Quảng Nam xây dựng thương hiệu nông sản gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao

22 Hà Nội: Gần 6.000 sản phẩm nông nghiệp được cấp mã truy xuất nguồn gốc

12 Festival nông nghiệp và làng nghề lần I tại Hà Nội

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ

23 Hàn Quốc khởi xướng điều tra chống bán phá giá sợi gỗ dán của Việt Nam

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

24 Giá nông sản thế giới tiếp tục xu hướng tăng

25 Nhu cầu nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ đạt trên 120 tỷ USD mỗi năm và có xu hướng tăng

28 TIN VĂN

TỔNG QUAN

Trong bối cảnh nguồn cung thịt lợn có nguy cơ thiếu hụt do ảnh hưởng bởi dịch tả lợn châu Phi, kéo theo giá các sản phẩm thịt lợn tăng cao, Bộ Công Thương đã triển khai đồng loạt các giải pháp nhằm bình ổn thị trường thực phẩm nói chung và mặt hàng thịt lợn nói riêng. Trong thời gian tới, Bộ Công Thương có kế hoạch thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra, kiểm soát thị trường, trong đó tập trung vào việc kiểm tra tình trạng lũng đoạn, găm hàng, tăng giá gây bất ổn thị trường của các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn.



Hiện việc kiểm soát nhập khẩu mặt hàng thịt lợn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện. Bộ Công

Thương cũng đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chế biến, doanh nghiệp phân phối thực phẩm, đặc biệt là các doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình bình ổn thị trường tại các địa phương nhập khẩu lượng thịt lợn thiếu hụt để bình ổn thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng nông nghiệp chủ lực như thủy sản, rau quả, cà phê, gạo ... đều sụt giảm và nhiều khả năng một số mặt hàng không đạt mục tiêu kế hoạch xuất khẩu trong cả năm, tác động đến tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa chung của cả nước.

Một số thông tin đáng chú ý:

- ▶ Ngày 3/12/2019, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) nhận được thông báo về việc Ủy ban thương mại Hàn Quốc (KTC) khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá với sản phẩm sợi gỗ dán (Plywood) của Việt Nam.
- ▶ Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường UAE trong 11 tháng năm 2019 đạt 167,94 triệu USD, giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, thủy sản và rau quả là hai mặt hàng có kim ngạch lớn nhất của Việt Nam sang thị trường UAE.
- ▶ Trong 11 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nam Phi đạt 30,48 triệu USD, giảm 31,1% so với cùng kỳ năm 2018. Đáng chú ý, xuất khẩu gạo sang thị trường Nam Phi 11 tháng qua tăng mạnh 122,7% về lượng và 94,5% về kim ngạch, đạt 8,2 nghìn tấn, trị giá 4,02 triệu USD.
- ▶ Giá hầu hết các mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới có xu hướng tăng; trong nửa đầu tháng 12/2019 trong bối cảnh Trung Quốc và Mỹ chính thức công bố thỏa thuận thương mại giai đoạn 1.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

TRONG KỲ TỪ NGÀY 28/11/2019 ĐẾN 17/12/2019

Trong kỳ từ ngày 28/11/2019 đến 17/12/2019, giá các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước tiếp tục xu hướng tăng.

+ Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), giá gạo nguyên liệu IR 504 tăng 200 đ/kg so với nửa cuối tháng 11/2019, đạt 6.800 đ/kg; Giá gạo thành phẩm IR 504 cũng tăng 100 đ/kg, đạt 7.500 đ/kg. Tuy nhiên, giá cám vàng lại giảm tới 550 đ/kg so với nửa cuối tháng 11/2019, đạt 5.500 đ/kg. Giá gạo tăng trở lại do nguồn cung cấp đã giảm nhiều vì vụ thu hoạch đã kết thúc trong khi nhu cầu từ các nhà xuất khẩu để hoàn thành các chuyến hàng đến Cuba và Iraq vẫn còn cao, đồng thời nhu cầu từ Philippin cũng đã tăng trở lại từ đầu tháng 12/2019. Tính đến ngày 17/12/2019, giá gạo thường 5% tấm được chào bán ở mức 350 USD/tấn, ổn định so với nửa cuối tháng 11/2019.

+ Giá cà phê nhân xô tại khu vực Tây Nguyên dao động ở mức 32.700 - 33.100 đ/kg, tăng 200 đ/kg so với nửa cuối tháng 11/2019. Vụ thu hoạch đã hoàn thành 40 - 50%, thời tiết nắng hỗ trợ quá trình phơi khô cà phê, nhưng giá thấp không khuyến khích nông dân bán ra. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), niên vụ 2019/20 sản lượng cà phê của Việt Nam dự báo tăng lên 32,22 triệu bao, tăng so với mức 30,4 triệu bao của niên vụ 2018/19 nhờ mở rộng sản xuất. Xuất khẩu cà phê trong niên vụ 2019/20 đạt mức 28,25 triệu bao, cao hơn mức 27,4 triệu bao của niên vụ trước. Dự kiến lượng cà phê dự trữ của Việt Nam trong niên vụ 2019/20 sẽ tăng lên 4,1 triệu bao so với 1,98 triệu bao của niên vụ 2018/19.

+ Trong kỳ từ ngày 28/11 đến 17/12/2019, giá hạt điều tiếp tục xu hướng tăng so với nửa cuối tháng 11/2019. Cụ thể, giá nhân điều xô tại Bình Phước tăng thêm 1.300 đ/kg (tương ứng 3,7%) lên mức 36.800 đ/kg.

+ Giá sản lát 30% trừ độ bột tại thị trường trong nước giảm từ 50 - 100 đ/kg trong kỳ từ ngày 28/11 đến 17/12/2019. Nguồn cung sản lát vụ mới 2019/20 không dồi dào. Tuy nhiên, các đơn vị kinh doanh xuất khẩu mặt hàng sản lát chưa mở kho thu mua nhiều do dự đoán nhu cầu mua yếu từ thị trường Trung Quốc.

+ Tại Đắk Lắk, giá mủ cao su trong kỳ từ ngày 28/11 đến 17/12/2019 tiếp tục tăng từ 2% - 5% so với nửa cuối tháng 11/2019. Trong đó, giá mủ cao su nước tại vườn tăng lên mức 30.000 đ/kg, giá mủ cao su nước tại các nhà máy tăng lên 30.500 đ/kg. Giá cao su tăng theo xu hướng chung của thị trường thế giới do lo ngại dịch bệnh trên cây cao su có thể làm giảm sản lượng của Thái Lan, Indonesia và Malaysia - những nhà cung cấp hàng đầu thế giới. Trong khi đó, việc Mỹ và Trung Quốc thông báo đã đạt được thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 cũng tác động tích cực lên thị trường.



+ Giá thủy sản tại thị trường trong nước đã tăng trở lại trong kỳ từ ngày 28/11 đến 17/12/2019. Tại Đồng Tháp, giá cá tra thịt trắng loại 1 tăng 2,6% (500 đ/kg) so với nửa cuối tháng 11/2019, đạt 20.000 đ/kg. Tuy nhiên, mức giá này vẫn thấp hơn 41,2% so với cùng kỳ năm 2018 (34.000 đ/kg).

Tại Đà Nẵng, giá mực ống (17-24 cm/con) tăng tới 15,4% so với nửa cuối tháng 11/2019, đạt 150.000 đ/kg. Tuy nhiên, giá tôm sú và tôm chân trắng lại giảm 3% - 3,8% so với nửa cuối tháng 11/2019.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 17/12/2019

Tên hàng	Ngày 17/12/2019 (đ/kg)	So với ngày 27/11/2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2018 (%)
Gạo NL IR 504	6.800	3,0	-10,5
Gạo thành phẩm IR 504	7.500	1,4	-11,2
Tấm gạo IR 504	6.700	0,0	-16,8
Cám vàng	5.500	-9,1	-5,2
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	33.300	1,2	-0,3
Chè xanh Thái Nguyên búp khô	105.000	0,0	0,0
Chè cành Thái Nguyên chất lượng cao	200.000	0,0	0,0
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	36.800	3,7	-14,4
Điều W240	255.000	0,0	-7,3
Điều W 320	246.000	0,4	-7,2
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	42.500	1,2	-22,7
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền trung Tây Nguyên	2.200	-4,3	-13,7
Sắn lát trữ độ bột 30% tại Tây Ninh	2.800	0,7	-6,7
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền Bắc (mua xô)	1.700	-2,9	-30,6
Mủ chén, dây khô	12.300	2,5	43,0
Mủ chén ướt	8.400	1,2	40,0
Mủ đông khô	11.100	2,8	42,3
Mủ đông ướt	8.900	2,3	41,3
Mủ cao su nước tại vườn	30.000	4,5	30,4
Mủ cao su nước tại nhà máy	30.500	4,5	29,8
SVR CV	43.208	2,9	19,7
SVR 10	33.257	3,7	17,7
SVR 20	33.145	3,7	17,7
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	20.000	2,6	-41,2
Tôm càng xanh (15 - 20 con/kg) Đồng Tháp	230.000	4,5	-14,8
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	55.000	0,0	0,0
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	150.000	15,4	20,0
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	320.000	-3,0	3,2
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	125.000	-3,8	13,6

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

TÌNH HÌNH GIÁ THỊT LỢN VÀ CÔNG TÁC BÌNH ỔN TRONG THỜI GIAN TỚI

Từ tháng 6/2019, giá mặt hàng thịt lợn có xu hướng tăng dần, tăng mạnh nhất từ cuối tháng 10/2019 đến nay (tăng khoảng 60-80% so với tháng 9/2019 và tăng 60-95% so với đầu năm 2019). Giá các sản phẩm thịt lợn hiện đang ở mức rất cao (lợn hơi hiện ở mức 80.000 – 90.000 đ/kg, giá thịt lợn thành phẩm ở mức 160.000 – 180.000 đ/kg, tăng 15.000 – 20.000 đ/kg so với tuần đầu tháng 12/2019). Việc tăng giá nêu trên là do các nguyên nhân chính sau:

- Ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi lây nhiễm vào Việt Nam từ đầu năm 2019 và đến cuối tháng 6 đã lan rộng, bùng phát trên phạm vi toàn quốc, số lượng lợn mắc bệnh và tiêu hủy lớn cùng với việc không thể tái đàn ở các vùng dịch trong những tháng tiếp theo do dịch tả lợn châu Phi tại Việt Nam chưa được khống chế, chưa có vaccine chống dịch đã tác động lớn đến nguồn cung thịt lợn cho thị trường trong nước (đặc biệt cho giai đoạn từ cuối tháng 9 đến nay).

- Việc kiểm dịch thú y, kiểm soát dịch bệnh hạn chế lưu chuyển lợn thịt và thịt lợn giữa các địa phương để tránh lây lan dịch bệnh đã gây mất cân đối cung cầu cục bộ tại một số địa phương, đẩy giá thịt lợn tăng cục bộ ảnh hưởng đến tâm lý thị trường.

- Trong bối cảnh dịch bệnh lan rộng, nguồn cung giống cũng giảm nên việc chăn nuôi lợn đòi hỏi chi phí rất cao cho cả giống, các biện pháp phòng dịch cho chuồng trại, chi phí kiểm dịch thú y... cũng làm gia tăng chi phí sản xuất, kinh doanh thịt lợn.

- Nhu cầu tiêu dùng dịp cuối năm tăng trong khi đó một bộ phận người chăn nuôi và nhà sản xuất giữ hàng lại chưa bán chờ giá tăng cao hơn.

Tình hình cung cầu mặt hàng thịt lợn

Theo Tổng cục thống kê, đàn lợn cả nước tháng 11/2019 giảm mạnh 22% so với cùng thời điểm năm trước do chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi, nguồn cung giảm là yếu tố chủ yếu khiến giá thịt lợn hơi trên thị trường gia tăng.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xét về tổng lượng thịt các loại trong năm 2019, ước đạt 5,14 triệu tấn, giảm 4,1%. Tuy nhiên, thịt lợn là mặt hàng thực phẩm thiết yếu và chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 70%) trong cơ cấu tiêu dùng thực phẩm, sản lượng thịt lợn giảm 380 nghìn tấn, tương đương từ 9-10% so với năm 2018 cũng ảnh hưởng lớn đến thị trường thực phẩm trong nước.



Theo Hiệp hội chăn nuôi Đồng Nai, tổng đàn lợn trên địa bàn tỉnh đã giảm khoảng 50% so với trước khi xuất hiện dịch tả (tháng 4/2019). Số lượng lợn thiếu trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán có thể lớn hơn số liệu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ước tính do không chỉ các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không tái đàn hoặc đã tái đàn nhưng bị dịch bệnh trở lại làm nguồn cung giảm mạnh mà ngay cả các cơ sở chăn nuôi lớn, khép kín cũng bị dịch bệnh nên cũng làm ảnh hưởng đến nguồn cung thịt lợn trong dịp cuối năm.

Trong thời gian tới, do dịch tả lợn châu Phi đã qua giai đoạn đỉnh, tình hình dịch bệnh và số lượng lợn bị bệnh, tiêu hủy đã giảm dần nên đã có một số nơi được phép tái đàn trở lại. Đồng thời, giá thịt lợn cao cũng khuyến khích người chăn nuôi tái đàn, do vậy cũng sẽ giúp bù đắp một phần thiếu hụt trong thời gian tới. Ngoài ra, do giá thịt lợn trong nước đang ở mức cao nên các doanh nghiệp chế biến thực phẩm sẽ nhập khẩu thịt lợn an toàn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng sẽ giảm áp lực cho nguồn cung trong nước.

Về nhu cầu, trong thời gian đầu khi xuất hiện bệnh dịch tả lợn châu Phi, người tiêu dùng chưa có thông tin đầy đủ nên nhu cầu tiêu thụ giảm. Tuy nhiên, hiện nay, nhu cầu tiêu dùng mặt hàng này đã bình thường trở lại và như thường lệ sẽ có xu hướng tăng trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán (tăng mạnh nhất trong tháng 1/2020). Do vậy, dự báo nhu cầu tiêu dùng những tháng cuối năm giảm nhẹ khoảng 5-10% so với năm 2018 do giá tăng nhưng vẫn ở mức cao, khoảng 300.000 – 320.000 tấn/tháng. Như vậy, dự báo nhu cầu cho tháng 12/2019 và tháng 1/2020 khoảng 600.000 tấn.

Các hoạt động Bộ Công Thương đã triển khai nhằm bình ổn thị trường mặt hàng thịt lợn

Tại Thông báo kết luận số 399/TB-VPCP ngày 19/11/2019 về Kết luận của Phó thủ tướng Vương Đình Huệ tại cuộc họp về tình hình giá thịt lợn và công tác bình ổn những tháng cuối năm 2019, Bộ Công Thương được giao: "Bộ Công Thương chỉ đạo ngành Công Thương và các địa phương tăng cường công tác bình ổn giá và mặt hàng thịt lợn so với các nhóm thực phẩm khác, đặc biệt trong dịp Tết Dương lịch, Nguyên đán 2020."

Thực hiện chỉ đạo trên, căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã triển khai đồng loạt các giải pháp nhằm bình ổn thị trường thực phẩm nói chung và mặt hàng thịt lợn nói riêng, cụ thể:

1. Chủ trì, phối hợp với các địa phương tổ chức nhiều hội nghị kết nối cung cầu, đưa thực phẩm an toàn vào hệ thống phân phối, trong đó tập trung, chú trọng vào kết nối mặt hàng thịt lợn tại Tp Hồ Chí Minh, Tp Hà Nội, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Hà Nam...

2. Bộ Công Thương đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan như Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các đoàn làm việc về bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường các mặt hàng nông sản dịp cuối năm và Tết Nguyên đán, trong đó chú trọng đến nguồn cung mặt hàng thịt lợn. Đồng thời trước tình hình nguồn cung thiếu hụt, Bộ cũng đã có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá chính xác về tình hình sản xuất, dự kiến nguồn cung dịp cuối năm và Tết Nguyên đán đối với mặt hàng thịt lợn để Bộ Công Thương có căn cứ điều hành thị trường hợp lý, bảo đảm cân đối cung cầu, thị trường mặt hàng thịt lợn.

3. Để kiểm soát thị trường thịt lợn, theo chỉ đạo của Bộ Công Thương, lực lượng Quản lý thị trường tại các địa phương đã triển khai tích cực công tác chống đầu cơ, tích trữ, ngăn chặn việc chuyên chở lợn bệnh, lợn lậu, ngăn chặn việc đưa lợn sang các nước láng giềng qua đường tiểu ngạch. Bộ cũng chỉ đạo sát sao các Cục quản lý thị trường địa phương tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường. Trực tiếp Lãnh đạo Bộ Công Thương và lãnh đạo Tổng cục Quản lý thị trường tham gia Đoàn kiểm tra, đôn đốc và đánh giá việc triển khai, phối hợp với các lực lượng chức năng thực hiện các biện pháp phòng, ngăn chặn bệnh dịch tả lợn châu Phi tại các tỉnh, thành phố và ngăn chặn việc xuất khẩu tiểu ngạch lợn qua biên giới. Tuy nhiên, việc ngăn chặn hoạt động xuất khẩu lậu lợn qua biên giới cần sự phối hợp rất chặt chẽ của các lực lượng chức năng như biên phòng, hải quan, thú y...

Theo báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường các tỉnh biên giới phía Bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Điện Biên, Lai



Châu..., trong thời gian gần đây có việc một số xe vận chuyển lợn từ nội địa lên phía biên giới nhưng lượng không nhiều và chỉ đưa vào phục vụ người dân địa phương tại các khu dân cư, không phải đưa qua biên giới vì phía Trung Quốc cũng ngăn chặn lợn đưa sang biên giới do lo ngại dịch tả lợn châu Phi lây lan.

4. Chỉ đạo và làm việc trực tiếp với các địa phương để triển khai bình ổn mặt hàng thịt lợn.

- Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ thị số 12/CT-BCT ngày 21/10/2019 về việc thực hiện các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường cuối năm 2019 và dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020, theo đó yêu cầu Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, các đơn vị trực thuộc Bộ chủ động tham mưu hoặc có phương án chuẩn bị nguồn hàng, dự trữ hàng hóa thiết yếu nói chung và mặt hàng thịt lợn nói riêng dịp cuối năm và Tết Nguyên đán; có phương án hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhập khẩu thịt lợn khi có có nhu cầu...

- Có văn bản chỉ đạo Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tập trung triển khai một số nội dung gồm: Đánh giá chính thức về tình hình sản xuất, dự kiến nguồn cung, chủ động xây dựng phương án bình ổn thị trường, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, tăng cường truyền thông nhằm khuyến khích người dân tiêu dùng sản phẩm thay thế thịt lợn và sử dụng thịt lợn đông lạnh thay thế thịt lợn nóng nhằm giảm sức ép cho nguồn cung trong nước...

- Bộ đã chủ trì đoàn làm việc với sự tham gia của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước để làm việc với các địa phương (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Hà Nam) về công tác chuẩn bị Tết. Theo báo cáo, hầu hết các địa phương đều đã có kế hoạch chuẩn bị hàng hóa, bình ổn thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán, trong đó tập trung nguồn lực vào việc bình ổn thị trường mặt hàng thịt lợn, một số địa phương đã xây dựng phương án cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, cụ thể:

+ Tại Tp Hồ Chí Minh: Sở Công Thương Tp Hồ Chí Minh đã xây dựng Kế hoạch số 1532/KH-SCT về ứng phó khẩn cấp đối với Dịch tả lợn châu Phi và các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu mặt hàng thịt lợn trong đó đã xây dựng 5 nhóm giải pháp chung, xây dựng các tình huống và giải pháp cụ thể cho từng trường hợp. Thành phố cũng đã huy động các doanh nghiệp kinh doanh chủ lực tham gia chương trình bình ổn thị trường, thực hiện dự trữ mặt hàng thịt lợn và các sản phẩm thịt khác. (Vissan dự trữ 3.600 tấn thịt lợn trong 45 ngày trước, trong và sau Tết). Tổng nguồn cung mặt hàng thịt lợn bình ổn thị trường của Thành phố là 4.091 tấn/tháng thường và 5.148 tấn/tháng Tết, chiếm 21% thị phần của toàn Thành phố.

+ Tp Hà Nội: Nguồn cung nội tại của Hà Nội đối với mặt hàng thịt lợn, thịt gà đáp ứng đủ nhu cầu thị trường Hà Nội trong điều kiện bình thường. Tuy nhiên, khi có dịch bệnh, nhu cầu đa dạng và tăng trong dịp Tết nên nguồn cung có sự thiếu hụt. Đối với mặt hàng thịt lợn, nhu cầu tiêu dùng của người dân Hà Nội trong dịp Tết khoảng 22.300 tấn hơi/tháng (tăng khoảng 18% - 20% so với các tháng thường). Về nguồn cung, theo báo cáo của Cục thống kê Hà Nội: ước tính tổng đàn lợn trên địa bàn đến hết tháng 10/2019 khoảng 1.180 nghìn con, sản lượng lợn hơi xuất chuồng tháng 10/2019 là 18.800 tấn hơi (tăng 4.600 tấn so với tháng 9). Như vậy, so với nhu cầu tiêu dùng trong tháng Tết, sản lượng thịt lợn còn thiếu khoảng 3.500 tấn hơi. Lượng thịt thiếu hụt sẽ được bảo đảm từ việc tăng sản lượng xuất chuồng trong thời gian tới, từ các sản phẩm thay thế khác tương đối dồi dào (sản lượng thịt bò tăng 0,6%, gia cầm tăng 18%, thủy sản tăng 5,9%) và khai thác từ các tỉnh, thành lân cận (Hà Nội đã có thỏa thuận phối hợp về công tác phòng, chống dịch bệnh và kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm, sản phẩm động vật với 24 tỉnh, thành phố). Đồng thời, UBND thành phố cũng đã có chỉ đạo về triển khai các giải pháp đảm bảo nguồn cung và bình ổn thị trường thịt lợn trên địa bàn thành phố

trong đó yêu cầu các đơn vị chức năng tăng cường công tác tuyên truyền, yêu cầu các hộ dân, trang trại chăn nuôi không găm hàng, tăng cường công tác thanh kiểm tra và xử lý nghiêm các hoạt động bất hợp pháp như đầu cơ, găm hàng, ép giá, tung tin thất thiệt... gây mất ổn định thị trường.



+ Tỉnh Đồng Nai: Tổng đàn lợn trên địa bàn tỉnh hiện đã giảm gần 50% so với thời điểm Dịch tả lợn Châu Phi xuất hiện (tháng 4/2019). Việc tái đàn chưa thể thực hiện do không chỉ các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không tái đàn hoặc đã tái đàn nhưng bị dịch bệnh trở lại làm nguồn cung giảm mạnh mà ngay cả các cơ sở chăn nuôi lớn, khép kín cũng bị dịch bệnh (CP, Japfa) nên cũng làm ảnh hưởng đến nguồn cung thịt lợn trong dịp cuối năm. Trước tình hình trên, để bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng nguồn dự phòng khoảng 30 tỷ đồng thực hiện khi xảy ra khan hiếm thịt lợn hoặc sốt giá, các nội dung cụ thể: (i) Các đơn vị cam kết tham gia bình ổn được thanh toán các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc vận chuyển, cung ứng, phân phối hàng hóa đến các vùng, địa phương thiếu hàng, (ii) khi các mặt hàng thịt lợn, gà, trứng gia cầm bị thiếu hụt, tăng giá, Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh để chỉ đạo các cơ sở chăn nuôi, giết mổ kịp thời cung ứng thực phẩm (cần thiết sẽ hỗ trợ vốn vay không lãi suất từ nguồn dự phòng để doanh nghiệp chuẩn bị hàng hóa).

+Tỉnh Hà Nam: Theo báo cáo của Sở Công Thương tỉnh, tổng đàn lợn trên địa

bàn tỉnh năm 2019 giảm hơn 20% so với năm 2018 do ảnh hưởng của bệnh Dịch tả lợn châu Phi. Tuy nhiên, Hà Nam có chợ đầu mối gia súc, gia cầm lớn nhất phía Bắc với lượng lợn qua chợ khoảng 1.000 – 1.200 con/ngày. Số lượng lợn trên được đưa về chợ đầu mối từ các cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh và giúp bảo đảm nhu cầu cho thị trường nội tỉnh và các tỉnh lân cận. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có nhà máy chế biến thịt lợn với công suất thiết kế 1,4 triệu con/năm cũng sẽ góp phần bảo đảm cân đối cung cầu mặt hàng thịt lợn trên địa bàn tỉnh trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán. Để bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu dịp cuối năm và Tết Nguyên đán, bên cạnh việc chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động có kế hoạch dự trữ hàng hóa bằng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp, Sở Công Thương tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, tuyên truyền, định hướng cho cơ sở sản xuất, người dân tăng cường tiêu dùng các sản phẩm được chế biến từ thịt lợn đông lạnh nhập khẩu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của người dân và thay thế một phần nhu cầu sử dụng thịt nóng trên thị trường.

5. Ngoài ra, tại Kết luận số 399/TB-VPCP ngày 19/11/2019, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cũng giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “xác định mức độ thiếu hụt nguồn cung thịt lợn, đề xuất các giải pháp cân đối cung cầu, bù đắp thiếu hụt, nhất là nhu cầu tăng cao trong những ngày lễ, Tết; tính toán cụ thể cung cầu của từng tháng, trong thời gian 3 tháng tới; báo cáo kế hoạch tái đàn cụ thể bảo đảm bù đắp thiếu hụt nguồn cung. Phần thiếu hụt còn lại, phối hợp với Bộ Công Thương để tính toán, đề xuất cụ thể số lượng cần nhập khẩu từ các đối tác thương mại có quan hệ hai chiều với nước ta; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm nguồn cung, kiên quyết không để thiếu hụt thịt lợn, nhất là các dịp lễ, Tết, bình ổn giá thịt lợn và minh bạch thông tin, bảo đảm lợi ích hài hòa của người chăn nuôi,

doanh nghiệp, khâu lưu thông phân phối, người tiêu dùng.”

Theo đó, ngày 13/12/2019, Bộ Công Thương đã có Công văn số 9586/BCT-TTNN về việc tình hình giá thịt lợn và công tác bình ổn mặt hàng thịt lợn những tháng cuối năm 2019, trong đó đề nghị Bộ Nông nghiệp:

- Cung cấp số liệu chính xác về mức độ thiếu hụt mặt hàng thịt lợn dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Canh Tý 2020.

- Thông báo đến Bộ Công Thương về kế hoạch tái đàn và dự kiến nguồn cung đối với mặt hàng thịt lợn đối với tháng 1/2020 và quý I/2020 để bảo đảm bù đắp thiếu hụt nguồn cung.

- Cung cấp số liệu về số lượng thịt lợn đã nhập khẩu trong năm 2019 và dự kiến kế hoạch nhập khẩu trong thời gian tới nhằm bù đắp nguồn cung thiếu hụt của sản xuất trong nước.

- Ngoài ra, theo phản ánh của một số nhà phân phối, siêu thị về việc khó tiếp cận nguồn hàng thịt lợn của các nhà sản xuất, trang trại, công ty chăn nuôi (trong đó có công ty CP chăn nuôi CP Việt Nam) mặc dù các nhà sản xuất này còn nguồn hàng, Bộ Công Thương đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo quyết liệt các doanh nghiệp sản xuất cung ứng đủ và theo đúng cam kết cho các doanh nghiệp phân phối, giảm giá bán nhằm dẫn dắt, bình ổn thị trường mặt hàng thịt lợn đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phân phối, nhất là các doanh nghiệp tham gia bình ổn thị trường tiếp cận trực tiếp nguồn hàng với giá hợp lý.



Trước tình hình trên, Bộ Công Thương đang có kế hoạch thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành (Tổng cục Quản lý thị trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công Thương và lực lượng công an, thú y...) thực hiện kiểm tra, kiểm soát thị trường, trong đó tập trung vào việc kiểm tra tình trạng lũng đoạn, găm hàng, tăng giá gây bất ổn thị trường của các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn. Nếu có dấu hiệu vi phạm sẽ tiến hành điều tra, xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử phạt hình sự tùy theo mức độ.

Về vấn đề nhập khẩu thịt lợn

Theo Luật Thú y và Luật An toàn thực phẩm, việc kiểm soát nhập khẩu mặt hàng thịt lợn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện. Bộ Công Thương đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chế biến, doanh nghiệp phân phối thực phẩm, đặc biệt là các doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình bình ổn thị trường tại các địa phương nhập khẩu lượng thịt lợn thiếu hụt để bình ổn thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

Tại Kết luận số 399/TB-VPCP ngày 19/11/2019, Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ đã giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Phần thiếu hụt còn lại, phối hợp với Bộ Công Thương để tính toán, đề xuất cụ thể số lượng cần nhập khẩu từ các đối tác thương mại có quan hệ hai chiều với nước ta”. Theo đó, Bộ Công Thương đã thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục thống kê và có báo cáo số 8730/BNN-TY ngày 21/11/2019 gửi Thủ tướng Chính phủ về báo cáo tình hình cung ứng thực phẩm những tháng cuối năm 2019 và đầu năm 2020.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện có 24 quốc gia được nhập khẩu thịt lợn chính ngạch vào Việt Nam (gồm: A-chentina, Australia, Bỉ, Áo, Brazil, Canada, Đan Mạch, Pháp, Đức, Hungari, Ấn

Độ, Hà Lan, Ireland, Litva, Italia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Newzealand, Ba Lan, Tây Ban Nha, Mỹ, Nga, Mexico). Các doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu hoàn toàn căn cứ vào nhu cầu thực tế để thực hiện việc nhập khẩu và sẽ chịu sự kiểm soát về chất lượng an toàn thực phẩm và kiểm dịch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, khó khăn hiện nay trong việc nhập khẩu vẫn chủ yếu là hạ tầng logistics (kho lạnh) để dự trữ, bảo quản thịt lợn đông lạnh sau nhập khẩu và nhu cầu tiêu dùng của người dân đối với mặt hàng thịt lợn đông lạnh vẫn rất khiêm tốn, chủ yếu phục vụ nhu cầu sản xuất, chế biến.

Theo thông tin Bộ Công Thương biết được thì trong 10 tháng năm 2019, nhập khẩu thịt lợn đạt 96 nghìn tấn, trị giá đạt hơn 108 triệu USD, tăng 101,7% về lượng và tăng 94,9% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Về thị trường, trong tháng 10/2019, thịt lợn được nhập khẩu nhiều nhất từ Ba Lan, đứng thứ 2 là thị trường Đức, đứng thứ 3 là thị trường Mỹ, tiếp theo là thị trường Hà Lan.



XUẤT KHẨU RAU QUẢ TRONG NĂM 2019 ƯỚC TÍNH ĐẠT 3,8 TỶ USD



Trong năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng nông nghiệp chủ lực như thủy sản, rau quả, cà phê, gạo ... đều sụt giảm và nhiều khả năng một số mặt hàng không đạt mục tiêu kế hoạch xuất khẩu trong cả năm, tác động đến tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa chung của cả nước. Trong đó, xuất khẩu rau quả - mặt hàng được coi là thế mạnh và là động lực tăng trưởng của nhóm hàng nông, thủy sản những năm gần đây, trong năm 2019 gặp rất nhiều khó khăn do xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc liên tục giảm. Nguyên nhân chính do căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc tác động tiêu cực khiến lượng nông sản Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ giảm sút, buộc phải quay sang phục vụ thị trường trong nước. Để tăng tiêu thụ nội địa, Trung Quốc đã đưa ra hàng loạt quy định nhằm siết chặt hàng nhập khẩu từ các

nước, bao gồm cả các mặt hàng nông sản của Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả trong 11 tháng năm 2019 đạt 3,4 tỷ USD, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 14,8% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Với diễn biến này, trong năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả ước tính sẽ chỉ đạt khoảng 3,8 tỷ USD, thấp hơn 9% so với mục tiêu 4,2 tỷ USD đã đặt ra.

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang các thị trường và khu vực thị trường đã ký kết các Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam như ASEAN, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản hay Hồng Kông đều tăng mạnh, với mức tăng lần lượt 49,3%; 30,9%;

14,3%; 26,9% và 220,2%. Mặc dù vậy, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường này vẫn chỉ ở mức khiêm tốn, dưới 200 triệu USD do hầu hết các thị trường này đều đòi hỏi tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng và chưa thể bù đắp cho mức giảm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, bởi khoảng 2/3

giá trị xuất khẩu rau quả đến từ thị trường này. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019 giảm tới 14% so với cùng kỳ năm trước xuống 2,24 tỷ USD, chiếm 65,7% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả.

Thị trường xuất khẩu hàng rau quả tháng 11 và 11 tháng năm 2019

Thị trường	11 tháng năm 2019 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2018 (%)	Tỷ trọng/Tổng KNXK (%)	
			11 tháng năm 2019	11 tháng năm 2018
Tổng	3.414.102	-3,1	100,0	100,0
Trung Quốc	2.243.158	-14,0	65,7	74,1
ASEAN	185.516	49,3	5,4	3,5
Thái Lan	61.712	47,0	1,8	1,2
Lào	58.872	570,3	1,7	0,2
Singapore	29.761	13,0	0,9	0,7
Malaysia	28.253	-35,3	0,8	1,2
Indonesia	4.136	279,6	0,1	0,0
Campuchia	2.782	15,2	0,1	0,1
EU	134.418	30,9	3,9	2,9
Hà Lan	73.788	35,3	2,2	1,5
Pháp	25.351	16,6	0,7	0,6
Đức	16.647	5,1	0,5	0,4
Anh	7.709	36,3	0,2	0,2
Italia	10.923	120,8	0,3	0,1
Mỹ	137.684	9,3	4,0	3,6
Hàn Quốc	119.724	14,3	3,5	3,0
Nhật Bản	112.414	26,9	3,3	2,5
Đài Loan	63.760	69,9	1,9	1,1
Hồng Kông	63.073	220,2	1,8	0,6
Australia	38.705	3,9	1,1	1,1
UAE	31.496	-14,4	0,9	1,0
Nga	30.685	11,2	0,9	0,8
Canada	23.163	14,1	0,7	0,6
Ả Rập Xê út	11.988	-2,6	0,4	0,3
Ai Cập	9.720	-38,2	0,3	0,4
Thụy Sĩ	4.182	15,0	0,1	0,1
Côoét	3.365	-0,3	0,1	0,1
Na Uy	2.623	5,1	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Từ đầu năm 2019 đến nay, Trung Quốc thực hiện việc truy xuất nguồn gốc đối với rau, quả nhập khẩu, đồng thời siết chặt nhập khẩu tiểu ngạch. Các doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam chưa chuyển đổi và thích ứng kịp với những thay đổi từ thị trường Trung Quốc khiến cho kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này liên tục sụt giảm. Trong giai đoạn hiện nay, việc chuyển đổi chính sách nhập khẩu của Trung Quốc

được nhận định là xu thế tất yếu của việc phát triển kinh tế. Nếu nhìn nhận theo khía cạnh tích cực thì đây là cơ hội để các cơ quan quản lý và doanh nghiệp nhìn nhận lại thị trường để có những thay đổi về tư duy và nhận thức từ xuất khẩu tiểu ngạch sang tư duy sản xuất nông sản thương phẩm có chất lượng cao, theo tiêu chuẩn hợp đồng, được giao thương qua đường xuất khẩu chính ngạch.



Không chỉ Trung Quốc đưa ra quy định khắt khe, mà châu Âu và nhiều quốc gia khác cũng đã và đang dựng hàng rào kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu. Đối với thị trường EU, bên cạnh những thuận lợi do EVFTA và IPA mang lại, doanh nghiệp cũng đứng trước những sức ép đòi hỏi phải có sự cải tiến trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, bảo quản, đóng gói, vận chuyển, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, đáp ứng được yêu cầu ngày càng khắt khe của các thị trường xuất khẩu cũng như cạnh tranh trên thị trường nội địa. Hiện EU đã quy định mức giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRLs) được sử dụng trong và trên các sản phẩm thực phẩm. Đối với các sản phẩm rau quả tươi, doanh nghiệp phải tuân thủ chặt chẽ theo các quy định về MRLs và ngăn ngừa tình trạng nhiễm vi khuẩn là những điều kiện tiên quyết khi muốn thâm nhập vào thị trường này.

Trong giai đoạn này, các doanh nghiệp sản xuất cần cải thiện thêm về chất lượng nông sản, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm đạt được những tiêu chuẩn chặt chẽ của thị trường châu Âu và các thị trường khó tính khác. Ngoài ra, các doanh nghiệp rau quả của Việt Nam cũng cần tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại trong sản xuất và chế biến sâu, đồng thời tăng cường hợp tác và kết nối với các đối tác trong chuỗi cung ứng để nâng cao năng lực xuất khẩu.

Tuy nhiên, để xuất khẩu rau quả mang lại giá trị cao và bền vững thì bên cạnh việc làm tốt khâu sản xuất, chế biến, Việt Nam cần có một chiến lược bài bản trong xây dựng thương hiệu quốc gia cho các mặt hàng rau quả chủ lực. Trong đó, cần sớm bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật theo hướng phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn thế giới; phát triển và nhân rộng việc thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý...; nhân rộng các mô hình sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, HACCP... Đồng thời, xây dựng các chương trình quảng bá hình ảnh, xúc tiến thương mại quốc gia với các thị trường trọng điểm và tiềm năng, nhất là với các nước đã tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do với Việt Nam; tập trung giới thiệu những mặt hàng thế mạnh, tiềm năng, tránh dàn trải và thiếu chiều sâu.

Một số chủng loại rau, quả đạt kim ngạch xuất khẩu cao trong 10 tháng năm 2019

Chủng loại	10 tháng năm 2019 (nghìn USD)	So với 10 tháng năm 2018 (%)
Quả và quả hạch	2.316.279	-4,1
Thanh long	1.078.017	1,5
Sầu riêng	231.006	-11,2
Xoài	177.370	15,0
Măng cụt	167.762	-1,0
Chuối	146.462	67,6
Nhãn	110.093	-51,2
Mít	67.337	61,1
Dừa	66.727	-26,8
Dứa hấu	52.366	-29,2
Vải	41.619	-5,3
Hạnh nhân	39.674	27,8
Chanh	35.585	-15,4
Chanh leo	22.345	-43,3
Chôm chôm	18.673	-2,1

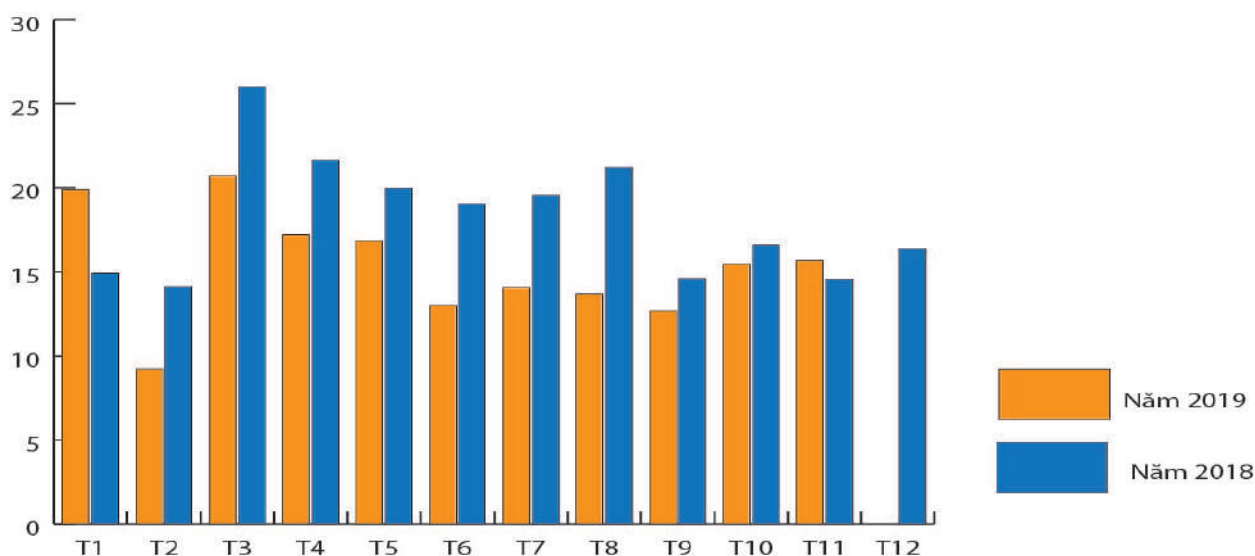
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

CÁC TIỂU VƯƠNG QUỐC Ả RẬP THỐNG NHẤT LÀ CỬA NGÕ ĐỂ VIỆT NAM THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG TRUNG ĐÔNG

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE) trong 11 tháng năm 2019 đạt 167,94 triệu USD, giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Tính riêng tháng 11/2019, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này có sự phục hồi nhẹ khi tăng 1,4% so với tháng 10/2019 và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 15,68 triệu USD.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường UAE năm 2018 – 2019 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 11 tháng năm 2019, thủy sản và rau quả là hai mặt hàng có kim ngạch lớn nhất của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường UAE, đạt 52,63 triệu USD và 31,5 triệu USD, nhưng so với cùng kỳ năm 2018 xuất khẩu hai mặt hàng này đã giảm lần lượt là 24,2% và 14,4%.

Trong khi đó, xuất khẩu hạt tiêu và gạo của Việt Nam sang thị trường UAE đã tăng 8,4% và 2,3% về lượng so với cùng kỳ năm 2018, nhưng do giá giảm nên kim ngạch xuất khẩu đã giảm lần lượt là 13,8% và 2,2%.

Thị trường UAE nói riêng và khu vực Trung Đông nói chung có sức mua lớn, khả năng thanh toán cao, có nhu cầu nhập khẩu lớn đối với nông sản, thủy sản, thực phẩm

chế biến. Do đó, đây là thị trường rất tiềm năng đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

UAE có các hệ thống chuỗi siêu thị lớn và là trạm trung chuyển hàng hóa lớn nhất của khu vực Trung Đông. Ngoài ra, UAE cũng là thị trường tái xuất lớn thứ 3 thế giới (sau Singapore, Hồng Kông) nên đây được coi là thị trường quan trọng, là cửa ngõ để đưa hàng Việt Nam vào khu vực Trung Đông và tiếp cận khu vực khác như: Châu Phi, Đông Nam Á.

Là thị trường có nhiều tiềm năng nhưng các doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý nhiều điểm trước khi tiến hành giao thương với UAE. Theo đó, cần nghiên cứu kỹ văn hóa phong tục tập quán kinh doanh thị trường

này. Đặc biệt lưu ý tiêu chuẩn Halal (tiêu chuẩn hợp pháp, được phép) đối với hàng nông sản, thực phẩm chế biến xuất khẩu sang thị trường này. Cùng với đó, cần chú trọng việc cải thiện và phát triển các kênh phân phối; tích cực tham gia và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại như khảo sát thị trường, tham dự hội chợ, triển lãm chuyên ngành. Các doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp cận trực tiếp để tránh rủi ro. Đặc biệt, các doanh nghiệp cần giữ liên hệ

với hệ thống Đại sứ quán, Thương vụ Việt Nam tại khu vực để được tư vấn thông tin, giới thiệu các đối tác, bạn hàng tin cậy.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đưa hàng vào các hệ thống phân phối lớn của UAE với các mặt hàng nông thủy sản, thực phẩm chế biến, rau quả tươi và vật liệu xây dựng.

Tham khảo các mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường UAE trong 11 tháng năm 2019

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 11 năm 2019		So với tháng 10/2019 (%)		11 tháng năm 2019		So với 11 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		15.677		1,4		167.935		-17,8
Hàng thủy sản		4.980		12,9		52.627		-24,2
Hàng rau quả		3.421		13,1		31.496		-14,4
Hạt tiêu	693	1.481	-3,1	-3,6	10.114	23.426	8,4	-13,8
Gạo	4.261	2.159	-4,8	-8,3	44.334	23.256	2,3	-2,2
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.861		-2,8		22.078		0,4
Hạt điều	190	1.173	-37,5	-27,7	2.177	12.607	-21,2	-39,7
Chè	384	602	1,6	-0,2	1.506	2.444	-44,0	-41,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tiềm năng xuất khẩu một số mặt hàng

Hàng thủy sản: Theo Bộ Môi trường và Biến đổi Khí hậu của UAE, mức tiêu thụ thủy sản trung bình hàng năm tại UAE là gần 226.000 tấn, trong khi nguồn thủy sản UAE đánh bắt từ tự nhiên ở vùng Vịnh chỉ là 70.000 tấn, buộc nước này phải phụ thuộc vào nhập khẩu cho hơn 70% nhu cầu tiêu thụ thủy sản. Đồng thời, lượng khách du lịch vào nước này cũng làm tăng thêm nhu cầu thủy sản của UAE.

Hiện nay, mặt hàng đang được Việt Nam xuất khẩu nhiều sang thị trường UAE là cá tra, ba sa. Mặt hàng này đang chiếm gần 90% tỷ trọng về lượng và 63,4% về kim ngạch trong tổng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường UAE.



5 chủng loại thủy sản của Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu cao sang thị trường UAE trong 10 tháng năm 2019

Chủng loại	10 tháng năm 2019		So với 10 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng (tấn)	Tri giá (nghìn USD)	Lượng	Tri giá
Cá tra, basa	17.137	30.205	-25,6	-32,6
Tôm các loại	1.599	14.676	-20,4	-23,0
Cá ngừ các loại	186	1.443	101,8	78,7
Cá đông lạnh	317	916	30,0	-14,8
Mực các loại	17	142	14,6	2,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả: Do điều kiện khí hậu khắc nghiệt và sản xuất trong nước thấp nên hàng năm UAE phải nhập khẩu một lượng lớn hàng rau quả. Thị trường rau quả của UAE có trị giá vào khoảng 3,73 tỷ USD trong năm 2018 và dự kiến sẽ đạt 6,38 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng 9,34% trong giai đoạn 2019-2024. Sự tăng trưởng này đến từ các chính sách thuận lợi, sự gia tăng tiêu thụ trái cây và rau quả do ý thức về sức khỏe, và mạng lưới phân phối và bán lẻ phát triển.

Tại UAE, chuối là phân khúc trái cây tăng trưởng nhanh nhất, với tốc độ tăng trưởng bình quân dự kiến là 28,6% trong giai đoạn

2018-2024, và giá trị thị trường được dự báo sẽ đạt 2,81 tỷ USD vào năm 2024. Đây cũng là loại trái cây được tiêu thụ nhiều nhất tại UAE, tăng từ 111,8 triệu USD năm 2015 lên 620,7 triệu USD trong năm 2018. Tiếp theo là dưa hấu, với tốc độ tăng trưởng là 11,2%, đạt 151,1 triệu USD vào năm 2024.

Với tốc độ tăng trưởng nhanh về nhu cầu rau quả của thị trường UAE, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này. Hiện nay, một số mặt trái cây của Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu cao nhất sang thị trường UAE có thể kể tới như: Chanh, ổi, chôm chôm, nho, thanh long...

5 chủng loại rau hoa quả có kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam sang thị trường UAE trong 10 tháng năm 2019

Tên hàng	10 tháng năm 2019 (nghìn USD)	So với 10 tháng năm 2018 (%)
Chanh	11.336	-16,5
Ổi	3.081	12,9
Chôm chôm	2.192	-27,0
Nho	1.852	187,0
Thanh long	1.706	-16,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng gạo: Hiện nay Việt Nam xuất khẩu gạo sang thị trường UAE chủ yếu là gạo thơm với tỷ trọng chiếm khoảng 70% tổng khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này.

Đặc biệt, một số chủng loại gạo đang được UAE tăng nhập khẩu từ Việt Nam là gạo giống Nhật, gạo nếp, nhóm gạo lứt, gạo hữu cơ, gạo huyết rồng... Mặt khác thị trường này cũng giảm nhập khẩu gạo trắng của Việt Nam.

Chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường UAE trong 10 tháng năm 2019

Chủng loại	10 tháng năm 2019			So với 10 tháng năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Tri giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Tri giá	Giá XK BQ
Gạo thơm	28.462	15.132	532	-0,4	-3,8	-3,4
Gạo trắng	7.419	3.733	503	-15,5	-19,6	-4,9
Gạo giống Nhật	3.970	1.972	497	127,7	84,9	-18,8
Gạo lứt	243	155	636	257,5	268,9	3,2
Gạo nếp	178	104	586	49,1	26,7	-15,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NAM PHI TĂNG MẠNH NHẬP KHẨU GẠO VIỆT NAM



Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong tháng 11/2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nam Phi đạt 1,8 triệu USD, giảm 20,4% so với tháng 10/2019 nhưng lại tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2018.

Tính chung 11 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Nam Phi đạt 30,48 triệu USD, giảm 31,1% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Nam Phi với kim ngạch đạt 9,4 triệu USD, nhưng so với cùng kỳ năm 2018 xuất khẩu mặt hàng này đã giảm 7,4%.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu hạt điều và cà phê của Việt Nam sang thị trường Nam Phi giảm mạnh 41,1% và 71,4% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong khi đó, xuất khẩu gạo sang thị trường Nam Phi tăng mạnh 122,7% về lượng và 94,5% về kim ngạch, đạt 8,2 nghìn tấn, trị giá 4,02 triệu USD. Xuất khẩu hạt tiêu cũng tăng mạnh 18,4% về lượng nhưng giảm 9,2% về kim ngạch do giá giảm.

Nam Phi hiện là quốc gia phát triển hàng đầu về kinh tế ở châu Phi và hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam tại châu Phi. Hệ thống siêu thị bán lẻ của Nam Phi không chỉ phục vụ thị trường trong

nước mà còn phục vụ nhiều quốc gia lân cận. Nếu doanh nghiệp Việt Nam ký kết cung ứng hàng hóa cho hệ thống siêu thị Nam Phi, đồng nghĩa với việc phục vụ thị trường châu Phi với 1,2 tỷ dân.

Tuy nhiên, trong thời gian qua xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nam Phi vẫn chưa tương xứng với tiềm năng bởi những khó khăn do tình trạng thiếu thông tin giữa cộng đồng doanh nghiệp cũng như các hoạt động xúc tiến thương mại và trao đổi đoàn chưa được thực hiện đều đặn.

Để thâm nhập vào thị trường Nam Phi, các doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý một số đặc điểm như: Khó khăn về địa lý, độ tin cậy trong các giao dịch thanh toán, cách thức thanh toán, xác minh năng lực khách hàng... và hơn hết là sự kiên trì, quyết liệt cần có đối với mỗi doanh nghiệp xuất khẩu.

Cụ thể, nếu sử dụng hình thức giao tiền sẽ giao chứng từ (D/P), doanh nghiệp Việt Nam cần phải kèm theo điều khoản tiền đặt cọc. Tùy từng mặt hàng, doanh nghiệp cần đưa ra các mức phần trăm đặt cọc (tốt nhất là 30%) để bảo đảm an toàn cho các đơn hàng.

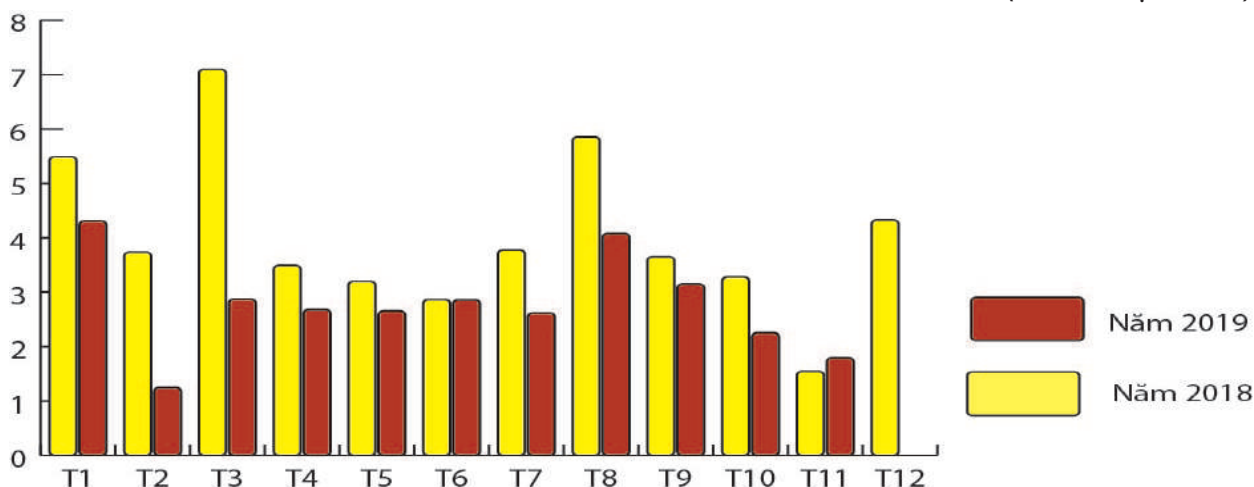
Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên đề nghị đối tác sử dụng thư tín dụng (L/C) không hủy ngang mở tại các ngân hàng uy tín, đồng thời hạn chế cho khách hàng trả chậm.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể nghiên cứu đầu tư sản xuất hàng hóa tại Nam Phi để tận dụng nguồn nhân công và nguyên liệu dồi dào, phục vụ tiêu dùng

tại chỗ và xuất khẩu sang các nước trong khu vực châu Phi, kể cả xuất khẩu sang EU, Mỹ- nơi mà hàng hóa có xuất xứ từ Nam Phi được hưởng ưu đãi về thuế quan.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nam Phi năm 2018 – 2019

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tham khảo các mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nam Phi trong 11 tháng năm 2019

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 11/2019		So với tháng 10/2019 (%)		11 tháng năm 2019		So với 11 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng	Tri giá	Lượng	Tri giá	Lượng	Tri giá	Lượng	Tri giá
Tổng kim ngạch		1.796		-20,4		30.483		-31,1
Gỗ và sản phẩm gỗ		601		-38,3		9.395		-7,4
Hạt tiêu	190	469	45,0	53,2	2.902	8.020	18,4	-9,2
Hạt điều	65	457	16,1	29,0	690	4.678	-17,3	-41,1
Cà phê	65	92	-76,9	-75,0	3.080	4.367	-65,3	-71,4
Gạo	327	178	-34,7	-30,0	8.196	4.024	122,7	94,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Gỗ và sản phẩm gỗ

Trong khu vực châu Phi, Nam Phi là thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam, đặc biệt là mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ. Người tiêu dùng Nam Phi chưa có yêu cầu cao về chất lượng, mẫu mã hàng hóa nên hầu hết các sản phẩm gỗ của Việt Nam có thể đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của người dân Nam Phi.

Đáng chú ý, sự phát triển của các trung tâm đô thị của Nam Phi mang tới những tiềm năng cho sự phát triển của thị trường nội thất. Trong những năm gần đây, các khoản đầu tư lớn đã được thực hiện trong ngành bất động sản, du lịch và khách sạn, văn hóa, giải trí và đang là yếu tố chính thúc đẩy nhu cầu cho lĩnh vực nội thất tại thị trường Nam Phi.

Do đó, Nam Phi là hướng đi mới để các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu trong thời gian tới.

Gạo

Mặt hàng gạo xuất khẩu sang thị trường Nam Phi có nhiều tiềm năng tăng trưởng bởi nước này không có điều kiện tự nhiên phù hợp để sản xuất lúa gạo và phụ thuộc chính vào nhập khẩu.

Hiện nay, Nam Phi là một trong những thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới. Theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), Nam Phi đã nhập khẩu 797,94 nghìn tấn gạo trong 10 tháng năm 2019, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong đó, Thái Lan và Ấn Độ là hai nhà cung cấp gạo lớn nhất cho Nam Phi, chiếm tới 96% tổng khối lượng gạo nhập khẩu của Nam Phi. Tuy nhiên, lượng gạo nhập khẩu từ hai thị trường này đều giảm trong 10 tháng năm 2019.

Trong khi đó, Việt Nam là thị trường cung cấp gạo đứng thứ 5 cho Nam Phi với thị phần chiếm 0,6% tổng lượng gạo nhập khẩu của Nam Phi, tăng so với mức 0,3% của cùng kỳ năm 2018. Mặc dù thị phần gạo

xuất khẩu của Việt Nam vào Nam Phi đang có xu hướng tăng nhưng nhìn chung vẫn còn thấp so với dung lượng của thị trường này và Việt Nam còn nhiều dư địa để xuất khẩu gạo sang thị trường này trong thời gian tới.



Một số thị trường cung cấp gạo (HS: 1006) lớn nhất cho Nam Phi trong 10 tháng năm 2019

Thị trường	10 tháng năm 2019 (tấn)	So với 10 tháng năm 2018 (%)	Tỷ trọng 10T/2019 (%)	Tỷ trọng 10T/2018 (%)
Tổng khối lượng	797.943	-7,6	100,0	100,0
Thái Lan	611.897	-4,6	76,7	74,3
Ấn Độ	153.928	-6,0	19,3	19,0
Pakixtan	8.910	77,3	1,1	0,6
Trung Quốc	7.484	858,6	0,9	0,1
Việt Nam	4.475	81,5	0,6	0,3
Uruguay	1.981	60,0	0,2	0,1
Italia	1.928	-16,5	0,2	0,3
Paraguay	1.312	66,1	0,2	0,1
Braxin	1.178	-83,8	0,1	0,8
Australia	1.167	-19,0	0,1	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

QUẢNG NAM XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN GẮN VỚI ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Quảng Nam là tỉnh có diện tích lớn thứ 6 cả nước, trong đó diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp chiếm trên 80% diện tích đất đang sử dụng và có nhiều tiềm năng trong phát triển và xây dựng thương hiệu nông, thủy sản. Những năm gần đây, Quảng Nam luôn chú trọng phát triển sản phẩm nông nghiệp an toàn theo chuỗi gắn với xây dựng thương hiệu riêng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao (CNC) vào sản xuất nông nghiệp.



Tỉnh cũng đã xây dựng thành công nhãn hiệu và thương hiệu hàng hóa cho các sản phẩm nông nghiệp an toàn, hữu cơ như: Sâm Ngọc Linh, quế Trà My, tiêu Tiên Phước, sản phẩm đẳng sâm, ba kích Tây Giang, rau an toàn Bà Tròn, rau Mỹ Hưng, rau Trà Quế, bưởi trụ Đại Bình, nước mắm Cửa Khe, dưa hấu Kỳ Lý... Các địa phương trong tỉnh bước đầu xây dựng thành công một số mô hình nông nghiệp an toàn, nông nghiệp sạch có hiệu quả, tạo ra sản phẩm nông sản hữu cơ, sạch, an toàn và sản xuất theo chuỗi giá trị. Đó là rau hữu cơ Thanh Đông tại Cẩm Thanh, rau an toàn Trà Quế tại Cẩm Hà (Hội An); rau hữu cơ Điện Phương, gạo hữu cơ, an toàn Phong Thử (Điện Bàn); gạo đen theo hướng hữu cơ (Thăng Bình); rau VietGAP, an toàn Mỹ Hưng tại Bình Triều (Thăng Bình);

rau an toàn Bà Tròn (Đại An), gạo an toàn Ái Nghĩa (Đại Lộc); các chuỗi sản phẩm an toàn, hữu cơ như đậu phụng, bò, rau (Điện Bàn), trong đó chuỗi sản phẩm lạc đã gắn với việc xây dựng thành công thương hiệu "Dầu phụng đất Quảng".

Ngoài ra, tỉnh cũng phát triển hồ tiêu tại Tiên Phước, Phú Ninh; các loại cây bản địa như giống ớt A Riêu ở Đông Giang; chăn nuôi heo bản địa, ngan địa phương ở vùng miền núi. Nuôi thủy sản theo hướng an toàn, hữu cơ như nuôi ghép tôm sú với cá dìa kết hợp trồng rong câu chỉ vàng tại Hội An, Núi Thành; trồng rong nho, rong câu chỉ vàng tại Núi Thành.

Vừa qua, tỉnh Quảng Nam đã tổ chức Hội nghị hỗ trợ và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Trên địa bàn tỉnh Quảng Nam có khoảng 400 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, được liệu có 45 dự án đầu tư, trong đó có 30 dự án đầu tư vào lâm nghiệp; 15 dự án đầu tư vào dược liệu và sâm Ngọc Linh.

Đối với lĩnh vực thủy sản có 11 dự án đầu tư, trong đó, có 9 dự án đầu tư vào nuôi trồng, chế biến thủy sản và 2 dự án đầu tư vào kết cấu hạ tầng thủy sản. Lĩnh vực chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có 40 dự án đăng ký đầu tư trong lĩnh vực chăn nuôi và xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

Với lĩnh vực trồng trọt, chế biến sản phẩm nông nghiệp và một số lĩnh vực khác có 22 dự án đăng ký đầu tư, trong đó, có 10 dự án đã có Quyết định chủ trương đầu tư của tỉnh, 10 dự án đang làm các thủ tục nghiên cứu đầu tư. Đối với lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC) hiện Quảng Nam có 7 dự án đăng ký đầu tư sản

xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

Trong hoạt động sản xuất rau, hoa, tỉnh đã thu hút được Tập đoàn Vingroup đầu tư công nghệ canh tác thông minh với thiết bị và hạ tầng nông nghiệp được chuyển giao 100% từ nước ngoài như: Công nghệ nhà kính điều khiển khí hậu (Pháp), công nghệ canh tác nhiều tầng (Singapore), công nghệ sản xuất nhà màng và công nghệ tưới thông minh (Israel). Một số mô hình trồng hoa, rau thành công có thể kể đến như: Mô hình sản xuất hoa ly, hoa lan cắt cành, cúc, hồng; mô hình ứng dụng CNC trong nhà lưới để sản xuất rau quả theo chuỗi. Việc ứng dụng CNC đã giúp tăng thu nhập đáng kể cho hộ nông dân.

Trong lĩnh vực sản xuất cây giống, tỉnh đã tiếp nhận và nghiên cứu công nghệ nuôi cấy mô tế bào, sản xuất thành công giống nuôi cấy mô trên các loại cây như keo lai, sa nhân, chuối, hoa lan... Mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân vùng núi và trung du.

Về chăn nuôi, nhiều dự án chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, CNC và công nghệ sinh học như hệ thống làm lạnh, hệ thống máng ăn- uống tự động, chăn nuôi trên nền đệm lót tự động, ứng dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải... Nỗ lực trên đã tạo được chuyển biến mạnh mẽ từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang quy mô lớn hơn.

Thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hiện Quảng Nam có khoảng 130 sản phẩm nông nghiệp lợi thế (trong lâm nghiệp, thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ), thuộc 06 nhóm sản phẩm: Thực phẩm có 59 sản phẩm; đồ uống có 13 sản phẩm; thảo dược có 16 sản phẩm; vải và may mặc có 02 chuỗi sản phẩm; lưu niệm - nội thất - trang trí có 27 sản phẩm; dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng có 13 sản phẩm; quy hoạch 23 trung tâm và điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các huyện, thị xã, thành phố... Đây sẽ là cơ hội để quảng bá và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp an toàn, hữu cơ, nông sản sạch của Quảng Nam ra

thị trường bên ngoài mang lại hiệu quả. Đồng thời phối hợp với Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông (Bộ Thông tin và Truyền thông) cấp tem điện tử truy xuất nguồn gốc cho trên 50 loại sản phẩm nông sản của 40 doanh nghiệp, hợp tác xã...



Thời gian qua, trên địa bàn Quảng Nam liên tiếp tổ chức các hội chợ quảng bá hàng nông sản chất lượng cao của tỉnh, nhằm tạo cơ hội kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp với các hợp tác xã, các chủ trang trại, hộ nông dân trong và ngoài tỉnh; thúc đẩy cơ hội xúc tiến thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp, liên kết hợp tác đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp.

Trong thời gian tới, Quảng Nam hướng tới mục tiêu nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp CNC, nông nghiệp hữu cơ để tăng chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng của nông sản truyền thống theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; chuyển đổi diện tích sản xuất hiệu quả thấp sang các loại nông sản tiềm năng, hướng tới xuất khẩu. Hiện tỉnh đang khảo sát, lựa chọn một số vùng đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp CNC, nông nghiệp hữu cơ gắn với đầu tư hạ tầng kỹ thuật; thu hút đầu tư vào sản xuất nông nghiệp CNC; thành lập các khu nông nghiệp ứng dụng CNC phù hợp với điều kiện của địa phương.

HÀ NỘI: GẦN 6.000 SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC CẤP MÃ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội đã phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam hoàn thành việc xây dựng “Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản thực phẩm thành phố Hà Nội”. Cùng với đó, đang thí điểm module theo dõi luồng di chuyển sản phẩm, xây dựng nhật ký sản xuất trực tuyến, minh bạch toàn bộ các công đoạn từ quá trình sản xuất đến tiêu thụ...

Đến nay, thành phố Hà Nội đã quản lý, cấp mã tài khoản quản trị cho 2.527 cơ sở, hợp tác xã, doanh nghiệp, cửa hàng sản xuất, kinh doanh thực phẩm, nông, lâm,

thủy sản an toàn trên địa bàn thành phố (tăng 543 cơ sở so với cuối năm 2018). Cấp mã QR truy xuất minh bạch thông tin cho 495 doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục tham gia hn.check.net.vn, với tổng bộ mã truy xuất được quản lý hơn 5.900 mã sản phẩm (tăng 2.700 mã sản phẩm so với cuối năm 2018).

Đáng chú ý, thành phố Hà Nội đã thí điểm thiết lập 5 điểm truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản tại các điểm trưng bày sản phẩm nông, lâm, thủy sản, thực phẩm an toàn. Đồng thời, hoàn thiện quy chế và vận hành thí điểm Chợ thương mại điện tử.

FESTIVAL NÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ LẦN I TẠI HÀ NỘI



Festival sản phẩm nông nghiệp và làng nghề Hà Nội lần thứ I năm 2019 được diễn ra từ ngày 14- 17/12/2019 tại Khu Hội chợ triển lãm giao dịch kinh tế và thương mại (số 489 - Hoàng Quốc Việt) nhằm giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp và làng nghề của Hà Nội cùng nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngoài lễ khai mạc diễn ra sáng 14/12 cùng lễ công bố quyết định, trao giấy chứng nhận các sản phẩm đạt chuẩn OCOP thành phố Hà Nội năm 2019, cũng diễn ra hoạt động trưng bày, quảng bá, giới thiệu xúc tiến thương mại sản phẩm với quy mô khoảng 300 gian hàng trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn của Hà Nội và 28 tỉnh, thành phố.

Không gian trưng bày được chia thành các khu gồm: Giới thiệu máy móc, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; giới thiệu các sản phẩm tiềm năng đăng ký tham gia OCOP thành phố Hà Nội; khu trưng bày giới thiệu các sản phẩm làng nghề; khu trưng bày, giới thiệu nông sản của các tỉnh bạn; khu triển lãm Hà Nội bốn mùa hoa...

Bên cạnh không gian trưng bày, giới thiệu sản phẩm là không gian văn hóa ẩm thực quy tụ 12 gian hàng của các quận, huyện, thị xã giới thiệu đến khách tham quan những món ăn truyền thống đặc trưng của Hà Nội như: Bánh cuốn Thanh Trì, giò chả Ước Lễ, chè lam Thạch Xá, chè kho Đại Đồng... Đây là một trong những sự kiện nổi bật của Festival nhằm tôn vinh giá trị văn hóa lịch sử nổi bật của các món ăn; quảng bá những nét độc đáo, tinh hoa văn hóa ẩm thực đặc trưng vùng miền, là tiềm năng góp phần phát triển du lịch bền vững của các địa phương.

Ngoài ra, tại Festival sản phẩm nông nghiệp và làng nghề Hà Nội lần thứ I còn diễn ra hoạt động trình diễn tay nghề của các nghệ nhân đến từ các làng nghề nổi tiếng trên địa bàn Hà Nội như: Mây tre đan, tranh thêu tay truyền thống, làm nón chuông...

HÀN QUỐC KHỞI XƯƠNG ĐIỀU TRA CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ SỢI GỖ DÁN CỦA VIỆT NAM

Theo Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương), ngày 3/12/2019 Cục phòng vệ thương mại nhận được thông báo về việc Ủy ban thương mại Hàn Quốc (KTC) khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá với sản phẩm sợi gỗ dán (Plywood) của Việt Nam.

Sản phẩm bị yêu cầu điều tra là các sản phẩm gỗ dán thuộc các mã HS: 4412.31.4011; 4412.31.4019; 4412.31.4021; 4412.31.1029; 4412.31.5010; 4412.31.6010; 4412.31.6090; 4412.31.7010; 4412.31.7090; 4412.33.4010; 4412.33.4020; 4412.33.5000; 4412.33.6000; 4412.33.7000; 4412.34.4020; 4412.34.5000; 4412.34.6000; 4412.34.7000; 4412.39.9000; 4412.99.6000; 4412.99.9100; 4412.99.4100; 4412.99.5100.

Thời kỳ điều tra từ 1/7/2018 đến 30/6/2019. Các bên liên quan có thể gửi ý kiến bình luận về phạm vi sản phẩm bị điều tra và gửi KTC trong vòng bốn tuần kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Thông thường, thời gian để tiến hành điều tra vụ việc chống bán phá giá là 12 tháng kể từ ngày khởi xướng và có thể gia hạn nhưng không quá 18 tháng.

Sau khi khởi xướng điều tra, Ủy ban thương mại Hàn Quốc có thể sẽ tiến hành lựa chọn bị đơn bắt buộc và gửi bản câu hỏi điều tra để thu thập thông tin trong quá trình xem xét, đánh giá, xác định hành vi

bán phá giá của doanh nghiệp xuất khẩu. Thời hạn để trả lời bản câu hỏi thường là 37 ngày kể từ ngày ban hành.

Các doanh nghiệp xuất khẩu không được chọn làm bị đơn bắt buộc có thể gửi yêu cầu (bằng văn bản) đề nghị được tham gia làm bị đơn tự nguyện và tính toán mức thuế riêng cho từng doanh nghiệp.

Văn bản yêu cầu tham gia vụ việc phải được gửi tới KTC trong vòng ba tuần kể từ ngày thông báo khởi xướng điều tra.

Sau khi nhận được bản trả lời câu hỏi, Hàn Quốc có thể sẽ ban hành kết luận sơ bộ và áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời. Thêm vào đó, KTC sẽ tiến hành thẩm tra tại chỗ các doanh nghiệp đã trả lời bản câu hỏi để xác minh những thông tin đã cung cấp.

Trong quá trình điều tra, KTC sẽ tổ chức phiên điều trần để các bên liên quan trong vụ việc có thể tham gia, trình bày quan điểm về các nội dung điều tra.

Căn cứ thông tin trên, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu có liên quan của Việt Nam theo dõi sát tình hình vụ việc, tham gia hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra để đạt được kết quả khả quan trong vụ việc, đồng thời thường xuyên liên lạc, trao đổi với Cục trong suốt quá trình điều tra để phối hợp xử lý vụ việc.



GIÁ NÔNG SẢN THẾ GIỚI TIẾP TỤC XU HƯỚNG TĂNG

Thị trường nông sản thế giới tiếp tục sôi động và giá có xu hướng tăng trong kỳ từ ngày 28/11 đến 17/12/2019.

Trong đó, giá cà phê Arabica tăng mạnh lên mức cao nhất hơn 2 năm do lo ngại thiếu hụt nguồn cung trong niên vụ 2019/20 và lo ngại thời tiết khô hạn ở Braxin có thể ảnh hưởng tới sản lượng vụ 2020/21. Kết thúc phiên giao dịch ngày 17/12/2019, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 tăng tới 18,1% so với cuối tháng 11/2019 lên mức 135,8 UScent/pound. Trong khi đó, giá cà phê Robusta cũng tăng 4,8% lên 1.433 USD/tấn.

Giá đường tiếp tục xu hướng tăng, với giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 3,9% so với cuối tháng 11/2019, đạt 13,3 UScent/lb. Giá đường phục hồi bởi nguồn cung cấp hạn hẹp với dự báo thiếu hụt toàn cầu trong niên vụ 2019/20 và một số dấu hiệu cho thấy nguồn cung có thể tiếp tục thiếu hụt trong niên vụ 2020/21.

Giá cao su cũng tăng 6,6% so với cuối tháng 11/2019 do lo ngại nguồn cung sẽ trở nên hạn hẹp khi các nhà sản xuất cao su lớn trên thế giới tìm cách hạn chế xuất khẩu để hỗ trợ giá. Hội đồng Cao su

Quốc tế Ba bên (ITRC), bao gồm 3 nhà sản xuất hàng đầu thế giới là Thái Lan, Indonesia và Malaysia, đang xem xét tiếp tục hạn chế xuất khẩu để giúp ổn định giá cao su.

Tại Mỹ, kết thúc phiên giao dịch ngày 17/12/2019, giá hầu hết các mặt hàng nông sản đều tăng so với cuối tháng 11/2019. Trong đó, ngô tăng 3,8%, lúa mì tăng 3,7%, đậu tương tăng 6,3%. Giá các mặt hàng này được dự báo sẽ tiếp tục tăng do triển vọng lạc quan về căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc sau khi hai nền kinh tế hàng đầu đạt được thỏa thuận thương mại giai đoạn 1.

Trên thị trường gạo, giá gạo của Ấn Độ và Thái Lan không có nhiều biến động so với cuối tháng 11/2019. Nhu cầu đối với gạo Ấn Độ vẫn thấp nhưng đồng Rupee mạnh lên so với đồng USD đã hỗ trợ giá gạo.

Trong khi đó, giá gạo tại Thái Lan luôn duy trì ở mức cao so với các đối thủ cạnh tranh khác trong suốt cả năm 2019 do sự mạnh lên của đồng Baht. Các nhà nhập khẩu đã chuyển sang mua gạo giá thấp hơn từ Việt Nam và Myanmar.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 17/12/2019

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 17/12/2019	So với ngày 27/11/2019 (%)	So với ngày 1/1/2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	387,5	3,8	3,1
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	546,5	3,7	7,5
Lúa mạch	UScent/bushel	307,0	-3,0	10,3
Đậu tương	UScent/bushel	937,5	6,3	3,4
Khô đậu tương	USD/tấn	304,3	2,7	-2,4
Dầu đậu tương	UScent/bushel	34,0	11,3	20,3
Hạt cải	CAD/tấn	473,3	3,3	-2,6
Ca cao	USD/tấn	2.545,0	-2,0	5,6
Đường thô	UScent/lb	13,3	3,9	11,9
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.433,0	4,8	-6,2
Cà phê Arabica	UScent/lb	135,8	18,1	30,5
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	410,8	-1,3	22,7
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	363,0	0,3	-5,5
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	411,0	0,2	5,4
Cao su Toccom	JPY/kg	201,2	6,6	19,7

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

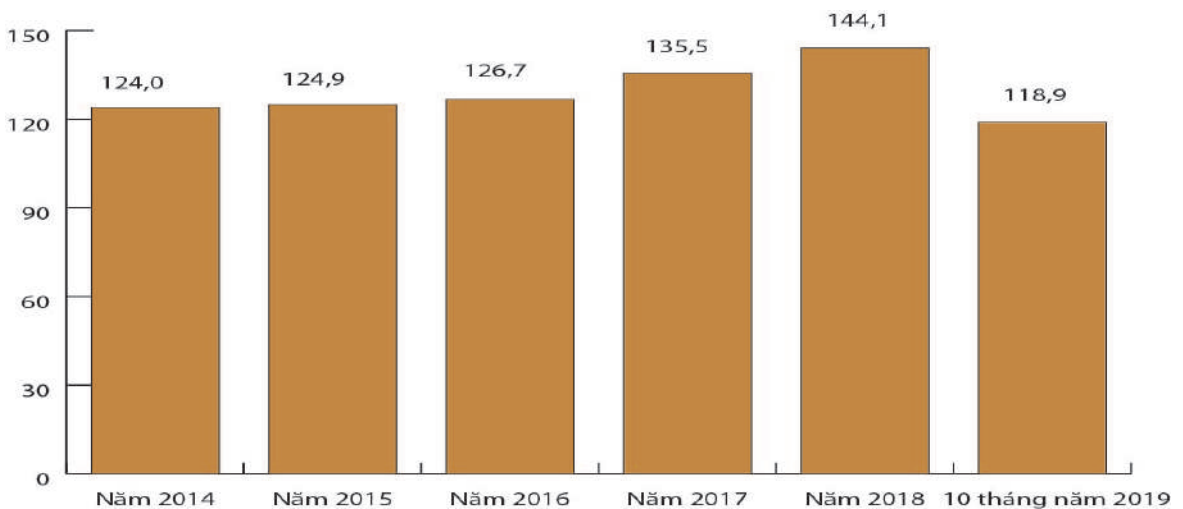
NHU CẦU NHẬP KHẨU HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO MỸ ĐẠT TRÊN 120 TỶ USD MỖI NĂM VÀ CÓ XU HƯỚNG TĂNG



Trong những năm gần đây, ngành nông nghiệp Mỹ đã đóng góp bình quân hơn 100 tỷ USD cho nền kinh tế Mỹ, nhưng ngành nông nghiệp đang bị đe dọa bởi biến đổi khí hậu, xung đột thương mại và lực lượng lao động thay đổi, điều này dẫn đến việc nước này phải nhập khẩu một lượng lớn sản phẩm nông nghiệp.

Theo thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ tăng trưởng bình quân 3,8% trong giai đoạn 2014-2018, riêng trong 10 tháng năm 2019, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ đạt 118,9 tỷ USD, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Kim ngạch nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ qua các năm (Đvt: tỷ USD)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Về thị trường cung cấp: Canada là thị trường cung cấp lớn nhất hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ trong 10 tháng năm 2019, chiếm 20,5%, tuy vậy, thị phần hàng nông, lâm, thủy sản của Canada tại Mỹ đã giảm so với 10 tháng năm 2018, đạt mức 21,7%. Mexico là thị trường cung cấp lớn thứ hai hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ, chiếm 16% trong 10 tháng năm 2019, tăng so với mức 14,2% của cùng kỳ năm 2018.

Trung Quốc là nguồn cung thứ ba hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ, chiếm tỷ trọng 7,7% trong 10 tháng năm 2019, giảm từ mức 10,7% của cùng kỳ năm 2018. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã và đang tác động đến hoạt động thương mại giữa hai nước, cả trong lĩnh vực nông nghiệp, điều này khiến thị phần hàng nông, lâm, thủy sản của Trung Quốc tại Mỹ cũng giảm.

Việt Nam là nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản lớn thứ tư vào Mỹ, chiếm 5,3% trong 10 tháng năm 2019, tăng từ mức 4,9% của cùng kỳ năm 2018.

Về mặt hàng: 10 tháng năm 2019, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2018, chủ yếu là do sự sụt giảm ở nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 16,1%). Ngoài ra, nhập khẩu nhóm hàng thủy sản đã qua chế biến vào Mỹ cũng giảm 3,8%; nhập khẩu sản phẩm rau, củ, quả chế biến giảm 2,2%; nhập khẩu các sản phẩm ngũ cốc ngoài gạo giảm 6,1%...

Tuy vậy, nhập khẩu nhiều mặt hàng nông sản khác vào Mỹ tăng trong 10 tháng năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 như: Nhập khẩu nhóm hàng quả và quả hạch tăng 3,6%; nhập khẩu nhóm hàng rau, củ tăng 5,7%; đáng chú ý, nhập khẩu nhóm hàng chế biến từ các mặt hàng cà phê, chè và các loại gia vị tăng 10,3%; nhập khẩu gạo tăng 11%; nhập khẩu động vật sống tăng 9,7%, đặc biệt nhập khẩu các nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác tăng mạnh nhất, tăng 15,5%...

Có thể thấy, nhập khẩu nông, lâm, thủy sản của Mỹ đạt trên 120 tỷ USD mỗi năm và có xu hướng tăng trong những năm gần đây. Trước nhu cầu lớn đối với hàng nông, lâm, thủy, sản của Mỹ, đặc biệt là các sản phẩm trái cây, rau, hạt cây, rượu vang, tinh dầu, vườn ươm, hoa cắt và hoa bia; các sản phẩm nhiệt đới như cà phê, ca cao và cao su... sẽ là cơ hội lớn đối với các nước đang muốn đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ.

Cũng theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, nhập khẩu nông sản của Mỹ mở rộng đều đặn trong hai thập kỷ qua, chủ yếu là do nhu cầu trong nước ngày càng tăng đối với một loạt các sản phẩm hướng đến người tiêu dùng. Các yếu tố thúc đẩy nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Mỹ là tăng nhu cầu đối với các loại thực phẩm quanh năm - các sản phẩm trồng trọt trong thời kỳ trái vụ sản xuất tại Mỹ, trong đó, chiếm 47% là các sản phẩm trồng trọt, đường và các sản phẩm nhiệt đới, như cà phê, ca cao và cao su, chiếm khoảng 20% lượng nhập khẩu. Ngoài ra, dân số Mỹ đã tăng trưởng về quy mô và sự đa dạng, khối lượng và chủng loại thực phẩm tiêu thụ trong nước cũng tăng lên, thúc đẩy một loạt các sản phẩm nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp Mỹ dự báo, nhập khẩu nông sản của Mỹ trong năm tài chính 2019 được dự kiến ở mức 129,0 tỷ USD, tăng 1,0 tỷ USD so với dự báo tháng 2 và tăng 1,5 tỷ USD so với tổng giá trị nhập khẩu trong năm tài khóa 2018. Trong đó: Nhập khẩu sản phẩm trồng trọt tăng 1,3 tỷ USD so với dự báo trước đó cho năm 2019 lên 64,5 tỷ USD. Nhập khẩu trái cây và rau quả tươi tăng 100 triệu USD từ dự báo tháng 2; Nhập khẩu cho chăn nuôi, sữa và gia cầm tăng 100 triệu USD lên 17,2 tỷ USD... Trái lại, nhập khẩu đường và các sản phẩm nhiệt đới của Mỹ được dự báo ở mức 23,4 tỷ USD năm 2019, điều chỉnh giảm 100 triệu USD so với dự báo trước đó; Nhập khẩu hạt có dầu và các sản phẩm từ hạt có dầu được điều chỉnh giảm 200 triệu USD xuống còn 9,4 tỷ USD năm 2019 do nhập khẩu dầu thực vật giảm.

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào thị trường Mỹ trong 10 tháng năm 2019

Mặt hàng	10 tháng năm 2018 (tỷ USD)	10 tháng năm 2019 (tỷ USD)	So sánh (%)	Thị phần 10 tháng năm 2018 (%)	Thị phần 10 tháng năm 2019 (%)
Tổng	120,3	118,9	-1,1	100,0	100,0
Gỗ và sản phẩm gỗ	29,0	25,5	-11,8	24,1	21,5
Gỗ nguyên liệu	18,3	15,3	-16,1	15,2	12,9
Đồ nội thất bằng gỗ	10,7	10,2	-4,3	8,9	8,6
Hàng thủy sản	19,2	19,0	-0,8	16,0	15,8
Thủy sản chưa qua chế biến	14,5	14,5	0,2	12,0	12,2
Thủy sản chế biến	4,7	4,5	-3,8	3,9	3,8
Quả và quả hạch	14,7	15,3	3,6	12,2	12,8
Rau, củ	8,4	8,9	5,7	7,0	7,5
Cà phê, chè và các loại gia vị	7,4	7,5	1,2	6,2	6,3
Cà phê	4,7	4,8	2,8	3,9	4,1
Chè	0,8	0,8	2,1	0,6	0,7
Hạt tiêu	1,0	1,0	0,2	0,8	0,8
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được	7,0	7,2	2,8	5,8	6,1
Các chế phẩm từ cà phê, chè và các loại gia vị	6,5	7,2	10,3	5,4	6,0
Rau, củ, quả chế biến	7,2	7,1	-2,2	6,0	5,9
Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	4,0	4,2	6,6	3,3	3,6
Cao su	3,2	3,1	-1,1	2,6	2,6
Ngũ cốc	2,9	2,8	-6,1	2,4	2,3
Gạo	1,5	1,6	11,0	1,2	1,4
Động vật sống	2,2	2,4	9,7	1,8	2,0
Sản phẩm bơ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	2,1	2,3	6,3	1,8	1,9
Hạt dầu và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm, rạ và cỏ khô	2,0	2,0	-3,9	1,7	1,6
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và loại tương tự; cảnh hoa và cảnh lá trang trí	1,7	1,9	7,1	1,5	1,6
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	1,6	1,6	1,8	1,3	1,4
Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác	1,0	0,9	-9,3	0,8	0,7
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	0,1	0,1	15,5	0,1	0,1

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ



► Chỉ số giá lương thực do Tổ chức Lương Nông Liên hợp quốc (FAO) công bố trong tháng 11/2019 đã tăng lên mức trung bình 177,2 điểm, tăng 2,7% so với tháng trước đó và tăng tổng cộng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân khiến chỉ số giá lương thực thế giới tăng cao là do chỉ số giá của các loại hạt có dầu, các sản phẩm trứng sữa, thịt và đường trong tháng 11 vừa qua đồng loạt tăng, trong đó đáng chú ý chỉ số giá thịt tăng lên 190,5 điểm, tăng 4,6% so với tháng 10 và là mức tăng trong một tháng cao nhất kể từ tháng 5/2009.

► Chính phủ Campuchia thông qua Bộ Kinh tế và Tài chính đã phân bổ thêm 50 triệu USD cho Ngân hàng Phát triển Nông thôn (RDB) để tăng tín dụng sẵn có cho các nhà xay xát và xuất khẩu gạo. Điều này sẽ giúp bình ổn giá lúa và cho phép dự trữ, xay xát, chế biến và xuất khẩu thêm gạo. Cũng trong diễn biến liên quan đến ngành gạo Campuchia, Tổng cục Kiểm nghiệm, Kiểm dịch và Giám sát Chất lượng Quốc gia Trung Quốc (AQSIQ) đã đồng ý bổ sung thêm 18 đơn vị vào danh sách tổng cộng 44 nhà xay xát và xuất khẩu Campuchia được phép xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc.

► Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (Vasep), EU chiếm 66% tổng trị giá xuất khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ của Việt Nam. Hiện nay, 80% trị giá xuất khẩu mặt hàng này sang EU tập trung vào ba thị trường Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Italia. Trong quý III/2019, xuất khẩu sang 3 thị trường này tăng mạnh lần lượt ở mức 68%, 13% và 45%. EU ngày càng có nhu cầu cao đối với các sản phẩm vẹm, sò điệp và nghêu trong khi giảm nhu cầu đối với hào. Giá nghêu ở miền Nam châu Âu vẫn cao vì nhu cầu đang vượt cung. Về cuối năm, thị trường này sẽ có động thái bình ổn giá và hoạt động giao dịch mặt hàng này sẽ bắt đầu chứng lại.

► Thương vụ Việt Nam tại Australia xác định chương trình xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam là một trong các trọng tâm kế hoạch công tác. Thương vụ đã thực hiện chương trình xây dựng thương hiệu sầu riêng Việt Nam tại Australia, sau khi nhận thấy sầu riêng đông lạnh hoàn toàn có thể thay thế sầu riêng tươi tại thị trường Australia (sầu riêng tươi chưa được Australia mở cửa cho Việt Nam). Thương vụ cũng mong muốn hợp tác với các doanh nghiệp xuất khẩu dứa tươi (mặt hàng không phải đàm phán mở cửa) để xây dựng thương hiệu dứa tươi Việt Nam, một mặt hàng đang được các quốc gia Đông Nam Á đẩy mạnh tiêu thụ tại Australia.

► Ngày 14/12/2019, Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam – Vinaseed khánh thành Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản tại Cụm công nghiệp Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản tại Đồng Tháp của Vinaseed nằm trong định hướng chiến lược phát triển chuỗi giá trị lúa gạo khép kín quản trị thông minh trên nền tảng công nghệ 4.0. Dự án quy mô rất lớn và hiện đại, chế biến bảo quản 50.000 tấn hạt giống và 100.000 tấn gạo/năm, tổng vốn đầu tư 350 tỷ đồng. Toàn bộ hệ thống dây chuyền công nghệ Nhật Bản.

